



DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN MỞ RỘNG
LIST OF EXTENDED ACCREDITED TESTS

(Kèm theo quyết định số: /QĐ-VPCNCL ngày tháng 08 năm 2024
của Giám đốc Văn phòng Công nhận Chất lượng)

Tên phòng thí nghiệm: **Trung tâm phân tích thử nghiệm EIC - Phòng thí nghiệm Hồ Chí Minh**

Laboratory: **EIC Testing Center - Ho Chi Minh LAB**

Tổ chức/Cơ quan chủ quản: **Công ty Cổ phần Giám định Năng lượng Việt Nam**

Organization: **Vietnam Energy Inspection Corporation**

Lĩnh vực thử nghiệm: **Hóa**

Field of testing: **Chemical**

Người quản lý: **Nguyễn Minh Tân**

Laboratory manager: **Nguyen Minh Tan**

Số hiệu/ Code: **VILAS 483**

Hiệu lực công nhận/ Period of Validation: Kể từ ngày /08/2024 đến ngày 29/04/2026

Địa chỉ/ Address: **32 Đào Duy Anh, phường 09, quận Phú Nhuận, thành Phố Hồ Chí Minh**
32 Dao Duy Anh street, Ward 9, Phu Nhuan district, Ho Chi Minh city

Địa điểm/Location: **8 Đường D4a, KDC Kiến Á, phường Phước Long B, TP. Thủ Đức, TP. HCM**
No 8, D4a Street, Kien A Residential Area, Phuoc Long B Ward, Thu Duc City, Ho Chi Minh City

Điện thoại/ Tel: **0913 911 566**

E-mail: **lab@eic.com.vn** Website: **www.eic.com.vn**

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN MỞ RỘNG

LIST OF EXTENDED ACCREDITED TESTS

VILAS 483

Lĩnh vực thử nghiệm: Hóa

Field of testing: Chemical

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử <i>Materials or products tested</i>	Tên phương pháp thử cụ thể <i>The Name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có)/Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/range of measurement</i>	Phương pháp thử <i>Test methods</i>
1.	Dầu cách điện <i>Electrical insulating liquids</i>	Xác định sức căng bề mặt của chất lỏng cách điện với nước Phương pháp vòng <i>Determination of Interfacial tension of insulating liquids against water</i> <i>The ring method</i>		IEC 62961:2018**** ASTM D971-20****
2.		Phát hiện lưu huỳnh ăn mòn <i>Detection of Corrosive Sulfur</i>	(1a~4c)	IEC 62535:2008**** ASTM D1275-24****
3.		Xác định hợp chất furan (5 - hydroxymethyl-2-furaldehyde; furfuryl alcohol; 2-furaldehyde; 2-acetylfuran; 5-methyl-2-furaldehyde) Phương pháp sắc ký lỏng hiệu năng cao (HPLC) <i>Determination of Furanic Compounds (5 -hydroxymethyl- 2-furaldehyde; furfuryl alcohol; 2-furaldehyde; 2-acetylfuran; 5-methyl-2-furaldehyde)</i> <i>High-Performance Liquid Chromatography (HPLC)</i>	0,05 mg/kg Mỗi chất/each compound	ASTM D5837-15(2023)**** IEC 61198:1993****
4.	Dầu khoáng <i>Mineral Oils</i>	Xác định đặc tính oxy hóa của dầu khoáng bị ức chế <i>Determination of Oxidation Characteristics of Inhibited Mineral Oils</i>		ASTM D943-20****
5.	Thạch cao và sản phẩm thạch cao <i>Gypsum and Gypsum Products (Metric)</i>	Xác định nước tự do, nước liên kết Phương pháp khối lượng <i>Determination of free water content, combined water content</i> <i>Gravimetric method</i>		ASTM C471M-24****
6.		Xác định hàm lượng SO ₃ Phương pháp khối lượng <i>Determination of SO₃ content</i> <i>Gravimetric method</i>	0,02 %	ASTM C471M-24****

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN MỞ RỘNG

LIST OF EXTENDED ACCREDITED TESTS

VILAS 483

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử <i>Materials or products tested</i>	Tên phương pháp thử cụ thể <i>The Name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có)/Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/range of measurement</i>	Phương pháp thử <i>Test methods</i>
7.	Thạch cao và sản phẩm thạch cao Gypsum and Gypsum Products (Metric)	Xác định hàm lượng Clo Phương pháp chuẩn độ <i>Determination of Chlorine Content Titrimetric method</i>	0,01 %	ASTM C471M-24***
8.		Xác định hàm lượng CaSO ₄ , CaSO ₄ .2H ₂ O. Phương pháp tính toán <i>Determination of CaSO₄, CaSO₄.2H₂O content. Calculation method</i>		ASTM C471M-24***
9.	Đá vôi và Vôi Limestone and Lime	Xác định hàm lượng các nguyên tố chính (Mg, Na, K). Phương pháp Quang phổ hấp thu nguyên tử ngọn lửa <i>Determination of Major Element Content (Mg, Na, K) Flame Atomic Absorption Spectrometry (F-AAS)</i>	Na: 0,01 % Mg: 0,01 % K: 0,02 %	ASTM C1301- 95(2014)***

Chú thích/Note:

- TCVN: Tiêu chuẩn Việt Nam/ Vietnam Standard
- ASTM: Hội thử nghiệm và Vật liệu Mỹ/American Society for Testing and Materials
- IEC: Ủy ban Kỹ thuật điện quốc tế/ International Electrotechnical Commission.
- (***): Phép thử mở rộng/ Extend tests

- Trung tâm phân tích thử nghiệm EIC - Phòng thí nghiệm Hồ Chí Minh cung cấp dịch vụ thử nghiệm chất lượng sản phẩm, hàng hoá thì Trung tâm phân tích thử nghiệm EIC - Phòng thí nghiệm Hồ Chí Minh phải đăng ký hoạt động và được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật trước khi cung cấp dịch vụ này/ It is mandatory for the EIC Testing Center - Ho Chi Minh LAB that provides product quality testing services must register their activities and be granted a certificate of registration according to the law before providing the service.

